

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 21-3-2025
V/v tranh chấp về nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn, kiện đòi tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Mỹ Hương;
Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công Khi vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về “tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, kiện đòi tài sản”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 124/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Võ Trường Kh, sinh năm 1992; địa chỉ: số 62, đường số 1, khu trung tâm hành chính, khu phố Nh, phường D, thành phố D, tỉnh B; vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về phần tài sản: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1977 và bà Trần Thị H, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 62, đường số 01, Khu trung tâm hành chính thành phố D, khu phố Nh, phường D, thành phố D, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/11/2023); ông Đ vắng mặt, bà H có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Mai H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 0407, khối nhà B3-2, Nhà ở An sinh xã hội B, đường NB5, Khu dân cư Đ, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trần Lệ H, sinh năm 1962; địa chỉ: Căn hộ B7-3-1-01, Nhà ở An sinh xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Lệ H: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tập đoàn 123 Group, số 292, đường Đ, phường H, thành phố Th, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/9/2024), có mặt.

3.2 Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (B IDC CORP); địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà WTC Tower, số 1, đường H, phường H, thành phố Th, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Đại Tr, sinh năm 1969; địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà WTC Tower, số 1, đường H, phường H, thành phố Th, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 9 năm 2024; vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3.3 Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1998; địa chỉ: Căn hộ B3-2.4.08, tầng 4, Block B3-2, dự án khu nhà ở xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3.4 Bà Châu Ngọc Mỹ L, sinh năm 1992; địa chỉ: Căn hộ B3-2.4.07, tầng 4, Block B3-2, dự án khu nhà ở xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Tô Võ Trường Kh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tô Võ Trường Kh và người đại diện hợp pháp của ông Kh về phân tài sản trình bày:

Ông Kh và bà Phạm Thị Mai H là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 01/2015 ngày 25/6/2015. Sau khi kết hôn, ông Kh và bà H làm ăn, sinh sống tại thành phố Dĩ An. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã; nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện nay, vợ chồng không còn sống chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, ông Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông Kh và bà H có 01 con chung tên Tô Gia Kh, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2016. Hiện nay, cháu Kh đang sống cùng với bà Trần Lệ H (mẹ ruột bà H). Khi ly hôn, ông Kh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, ông Kh và bà H tạo lập được tài sản chung là 2 căn hộ nhà ở xã hội: B3-2.4.07 và B3-2.4.08 diện tích sàn xây dựng 60m² tọa lạc tầng 4, Block B3-2, dự án khu nhà ở xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B theo Hợp đồng mua bán Căn hộ nhà ở xã hội B

số 1555/NOXH/ĐH ngày 24 tháng 8 năm 2020 với bên bán là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP. Giá mua 02 căn hộ là 308.000.000 đồng, ông Kh và bà H đã thanh toán số tiền 312.887.851 đồng, trong đó đã thanh toán dư 4.887.851 đồng. Khi ly hôn, ông Kh yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung và yêu cầu được nhận căn hộ B3-2.4.07; căn hộ B3-2.4.08 giao bà H sở hữu.

Ông Kh thống nhất giá 02 căn hộ nhà ở xã hội là 308.000.000 đồng, đề nghị Tòa án sử dụng giá 02 căn hộ như giá thể hiện tại Hợp đồng mua bán Căn hộ nhà ở xã hội B số 1555/NOXH/ĐH ngày 24 tháng 8 năm 2020 để giải quyết tranh chấp; không yêu cầu thẩm định giá trị tài sản tranh chấp.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu độc lập của bà H, đề nghị Tòa án không chấp nhận.

- Bị đơn bà Phạm Thị Mai H trình bày:

Bà H thống nhất với trình bày của ông Kh về thời gian kết hôn, về con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Ông Kh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà H thì bà H đồng ý.

Về con chung: Hiện nay cháu Kh đang sống cùng với bà H tại phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà H không yêu cầu ông Kh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông Kh không có tài sản chung. Đối với 2 căn hộ B3-2.4.07 và B3-2.4.08 như ông Kh yêu cầu thì đây là tài sản của bà Trần Lệ H. Bà H nhờ ông Kh đứng tên mua. Bà H đang quản lý 02 căn hộ trên và đang cho thuê. Bà H không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của ông Kh.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Lệ H trình bày:

Bà Trần Lệ H có yêu cầu độc lập yêu cầu ông Tô Võ Trường Kh trả lại 02 căn hộ nhà ở xã hội B3-2.4.07 và B3-2.4.08 diện tích sàn xây dựng 60m²/2 căn tọa lạc tầng 4, Block B3-2, dự án khu nhà ở xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B theo Hợp đồng mua bán Căn hộ nhà ở xã hội B số 1555/NOXH/ĐH ngày 24 tháng 8 năm 2020 với bên bán là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP. 02 căn hộ trên là do bà H bỏ tiền và nhờ ông Kh đứng tên mua giùm. Thời điểm mua nhà là đang trong thời gian dịch bệnh nên bà H mới nhờ ông Kh (con rể bà H) đứng tên mua hộ. Việc bà H nhờ ông Kh đứng tên mua giùm cũng như khi đưa tiền cho ông Kh thì các bên chỉ trao đổi bằng lời nói, bằng tin nhắn zalo. Bà H đã lập vi bằng tại cơ quan thừa phát lại và đã cung cấp tin nhắn giữa bà H và ông Kh để chứng minh 02 căn hộ mà ông Kh đứng tên mua là từ tiền của bà H. Giá mua 02 căn hộ, bà H thống nhất như lời trình bày của ông Kh. Bà Châu Ngọc Mỹ Linh đang thuê căn hộ B3-2.4.07, thời gian thuê từ ngày 18 tháng 5 năm 2024 đến ngày 18 tháng 5 năm 2025, giá thuê mỗi tháng là 1.800.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Trang đang thuê căn hộ B3-2.4.08, thời gian thuê từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 đến ngày 01 tháng 6 năm 2025, giá thuê mỗi tháng là 1.800.000 đồng.

Đối với giá trị 02 căn hộ, bà H đề nghị Tòa án sử dụng giá theo hợp đồng mua bán để giải quyết vụ án là 308.000.000 đồng; bà H không yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục thẩm định giá tài sản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (B IDC CORP) trình bày:

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP đã ký Hợp đồng mua bán căn hộ số 1555/NOXH/ĐH về việc bán 02 căn hộ nhà ở xã hội số B3-2.4.07 và B3-2.4.08, tầng 4, Block B3-2 thuộc Dự án khu nhà ở xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B với ông Tô Võ Trường Kh. Giá mua bán 02 căn hộ: 308.000.000 đồng. Ông Kh đã thanh toán số tiền 312.887.851 đồng, trong đó số dư 4.887.851 đồng dự kiến là chi phí hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ sẽ được đóng cho nhà nước. Ngày 13 tháng 4 năm 2022, Tổng Công ty đã bàn giao 02 căn hộ cho ông Kh và ông Kh chưa được cấp quyền sở hữu đối với 02 căn hộ. Đến nay các bên vẫn thực hiện đúng điều khoản của hợp đồng. Tổng Công ty không có ý kiến đối với tranh chấp giữa ông Kh và bà H. Sau khi có phán quyết của Tòa án, các bên sẽ điều chỉnh hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật. Bà H muốn được đứng tên 02 căn hộ thì phải thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 49, Điều 51 Luật Nhà ở năm 2014 và quy định tại Nghị định số 49/2021/NĐ-CP về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Ngọc Mỹ Linh trình bày: Bà Linh đang thuê căn hộ B3-2.4.07 của bà Trần Lệ H, thời gian thuê 01 năm, từ ngày 18 tháng 5 năm 2024 đến ngày 18 tháng 5 năm 2025, giá thuê là 1.800.000 đồng/tháng. Hai bên có lập hợp đồng cho thuê căn hộ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trang trình bày: Bà Trang đang thuê căn hộ B3-2.4.08 của bà Trần Lệ H, thời gian thuê 01 năm, từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 đến ngày 01 tháng 6 năm 2025, giá thuê là 1.800.000 đồng/tháng. Hai bên có lập hợp đồng cho thuê căn hộ.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 124/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Võ Trường Kh đối với bị đơn bà Phạm Thị Mai H về việc ly hôn; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Võ Trường Kh đối với bị đơn bà Phạm Thị Mai H về tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Lệ H về việc kiện đòi tài sản.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Võ Trường Kh ly hôn với bà Phạm Thị Mai H (Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2015, quyển số 01/2015 ngày 25 tháng 6 năm 2015 do Ủy ban nhân dân phường D, thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh B cấp).

2.2. Về con chung: Ông Tô Võ Trường Kh và bà Phạm Thị Mai H có 01 con chung tên Tô Gia Kh, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2016. Khi ly hôn, giao con chung tên Tô Gia Kh, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2016 cho bà Phạm Thị Mai H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

2.4. Xác định căn hộ nhà ở xã hội B3-2.4.07 và căn hộ nhà ở xã hội B3-2.4.08 diện tích sàn xây dựng 60m² tọa lạc tầng 4, Block B3-2, dự án khu nhà ở xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B theo Hợp đồng mua bán Căn hộ nhà ở xã hội B số 1555/NOXH/ĐH ngày 24 tháng 8 năm 2020 với bên bán là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP là tài sản của bà Trần Lê H.

Bà Trần Lê H có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP để làm thủ tục cấp quyền sở hữu căn hộ theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Tô Võ Trường Kh phải chịu 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng), đương sự đã thực hiện xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2024, nguyên đơn ông Tô Võ Trường Kh kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 124/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần con chung và tranh chấp tài sản.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ pháp luật, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Võ Trường Kh làm trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Triều, bà Tr, bà Linh có đơn yêu cầu xét xử, giải quyết vắng mặt; ông Doan vắng mặt lần hai nên căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Kh kháng cáo một phần bản án của Tòa án cấp sơ thẩm về con chung và tài sản là 2 căn hộ nhà ở xã hội B3-2.4.07 và B3-2.4.08 diện tích sàn xây dựng 60m² tọa lạc tầng 4, Block B3-2, dự án khu nhà ở xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B nên Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét phần này của án sơ thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm là quan hệ hôn nhân không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về con chung: Ông Kh và bà H đều có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Cháu Kh đang sống cùng với bà H tại phường Định Hòa và có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo sự ổn định về nơi sinh sống, học tập và đảm bảo sự ổn định về tâm lý cho cháu Kh, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Kh cho bà H nuôi dưỡng là có cơ sở.

[2.2] Về tài sản chung:

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP ký Hợp đồng mua bán căn hộ số 1555/NOXH/ĐH về việc bán 02 căn hộ nhà ở xã hội số B3-2.4.07 và B3-2.4.08, tầng 4, Block B3-2 thuộc Dự án khu nhà ở xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B với ông Tô Võ Trường Kh. Giá bán căn hộ là 302.242.990 đồng; ngoài ra còn kinh phí bảo trì là 5.757.010 đồng. Tổng giá trị căn hộ là 308.000.000 đồng. Ông Kh đã nộp số tiền 312.887.851 đồng, trong đó gồm giá trị 02 căn hộ với số tiền 308.000.000 đồng, số tiền trả dư 4.887.851 đồng là chi phí dự kiến hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ sẽ được đóng cho nhà nước. Ông Kh chưa được cấp quyền sở hữu nhà. Các đương sự đều thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử sử dụng giá trị 02 căn hộ là 308.000.000 đồng để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ông Kh cho rằng tiền mua 02 căn hộ là tiền của vợ chồng ông Kh và bà H và đề nghị chia tài sản chung của ông Kh và bà H mỗi người 1 căn hộ. Bà H cho rằng 02 căn hộ trên là tài sản của bà H, ông Kh chỉ đứng tên dùm. Bà H có yêu cầu độc lập cho rằng tiền mua 02 căn hộ là tiền của bà H nên bà H yêu cầu ông Kh trả lại 02 căn hộ.

Theo văn bản số 1811/TTKDBDG-ĐHNV ngày 19 tháng 9 năm 2024, Trung tâm kinh doanh VNPT-Bình Dương Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông cung cấp thông tin thuê bao 0914141404, chủ thuê bao là ông Tô Trung Giang, ngày sinh 01 tháng 10 năm 1967; nơi thường trú: Số 91, đường Thắng Lợi, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Các đương sự thừa nhận ông Tô Trung Giang là cha ruột của ông Kh. Theo 2 hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt ngày 04 tháng 4 năm 2022 đều thể hiện bên mua điện là ông Kh, số điện thoại 0914141404. Tại biên bản hòa giải ngày 05 tháng 9 năm 2024 (bút lục 216, 217), người đại diện hợp pháp của ông Kh khai số điện thoại 0914141404 là gia đình ông Kh và bà H sử dụng chung nhưng ông Kh không chứng minh được bà H sử dụng số điện thoại này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Kh có sử dụng số điện thoại 0914141404 là có căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng mua bán căn hộ số 1555/NOXH/ĐH ngày 24 tháng 8 năm 2020 do ông Kh đứng tên bên mua. Tuy nhiên về nguồn tiền mua 02 căn hộ, bà H đã cung cấp Vi bằng số 105/2023/VB-TPL ngày 05 tháng 10 năm 2023 do Văn phòng Thừa phát lại Thành phố Tây Ninh lập với nội dung tin nhắn trao đổi qua lại trên mạng xã hội zalo giữa ông Kh và bà H để chứng minh 02 căn hộ đang tranh chấp được mua bằng tiền của bà H (bút lục 78, 79). Hiện nay, bà H đang giữ bản chính hợp đồng mua bán nhà, biên bản bàn giao nhà, chứng nhận số nhà và là người đang quản lý, cho thuê 02 căn hộ trên. Bà Châu Ngọc Mỹ Linh và bà Nguyễn Thị Trang cũng xác nhận đang thuê và trả tiền thuê cho bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu chia tài sản chung của ông Kh và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H là có căn cứ.

[2.3] Về án phí sơ thẩm: Bà H kiện đòi tài sản là 2 căn hộ trị giá 308.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm tính án phí không có giá ngạch là chưa phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần án phí sơ thẩm.

[2.4] Từ những nhận định ở các mục [2.1], [2.2] và mục [2.3], Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh về con chung và tài sản chung là 2 căn hộ nhà ở xã hội B3-2.4.07 và B3-2.4.08 tọa lạc tầng 4, Block B3-2, dự án khu nhà ở xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót về phần án phí và cách tuyên chưa phù hợp nên Tòa án cấp phúc thẩm cần tính lại án phí và cách tuyên án cho phù hợp. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về cách tuyên án và phần án phí.

[3] Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Võ Trường Kh. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 124/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương về phần tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, kiện đòi tài sản và án phí như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Võ Trường Kh đối với bị đơn bà Phạm Thị Mai H về tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

1.1 Về con chung: Giao cháu Tô Gia Kh, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2016 cho bà Phạm Thị Mai H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

1.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Lê H về việc kiện đòi tài sản.

Xác định căn hộ nhà ở xã hội B3-2.4.07 và căn hộ nhà ở xã hội B3-2.4.08 diện tích sàn xây dựng 60m² tọa lạc tầng 4, Block B3-2, dự án khu nhà ở xã hội B, khu phố 8, phường Đ, thành phố Th, tỉnh B theo Hợp đồng mua bán Căn hộ nhà ở xã hội B số 1555/NOXH/ĐH ngày 24 tháng 8 năm 2020 với bên bán là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP là tài sản của bà Trần Lê H.

Bà Trần Lệ H có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP để làm thủ tục cấp quyền sở hữu căn hộ theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Tô Võ Trường Kh phải chịu 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng), đương sự đã thực hiện xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tô Võ Trường Kh phải chịu 15.700.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng), được trừ vào 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001403 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Tô Võ Trường Kh còn phải nộp tiếp 12.900.000 đồng (mười hai triệu chín trăm nghìn đồng) tiền án phí còn lại.

II/ Về án phí phúc thẩm: nguyên đơn ông Tô Võ Trường Kh không phải chịu. Hoàn trả cho ông Kh 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004060 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Th, tỉnh B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.